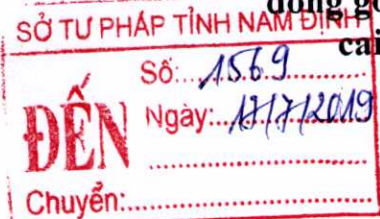


NGHỊ QUYẾT

**Quy định mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước và các khoản
đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở
cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Nam Định**



**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH NAM ĐỊNH
KHÓA XVIII, KỲ HỌP THỨ CHÍN**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Nghị định số 80/2018/NĐ-CP ngày 17 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 147/2003/NĐ-CP ngày 02 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định về điều kiện, thủ tục cấp giấy phép và quản lý hoạt động của cơ sở cai nghiện ma túy tự nguyện; Nghị định số 135/2004/NĐ-CP ngày 10 tháng 6 năm 2004 của Chính phủ quy định chế độ áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở chữa bệnh, tổ chức hoạt động của cơ sở chữa bệnh theo Pháp lệnh xử lý vi phạm hành chính và chế độ áp dụng đối với người chưa thành niên, người tự nguyện vào cơ sở chữa bệnh;

Căn cứ Thông tư số 124/2018/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2018 của Bộ Tài chính về quy định quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện hỗ trợ đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện;

Xét Tờ trình số 117/TTr-UBND ngày 01 tháng 7 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc quy định mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước và các khoản đóng góp đối với người tự nguyện cai nghiện ma túy tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Nam Định; Báo cáo thẩm tra của Ban Văn hóa - Xã hội Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Quy định mức hỗ trợ kinh phí từ ngân sách Nhà nước và các khoản đóng góp đối với người cai nghiện ma túy tự nguyện tại các cơ sở cai nghiện ma túy công lập trên địa bàn tỉnh Nam Định như sau:

1. Mức hỗ trợ

a) Tiền ăn:

- Tiền ăn hàng tháng: 0,56 mức lương cơ sở/người.
- Ngoài tiêu chuẩn ăn ngày thường do ngân sách Nhà nước hỗ trợ và học viên đóng góp hàng tháng (tiêu chuẩn ăn ngày thường được xác định là 0,8 mức lương cơ sở/người/tháng), học viên được ngân sách Nhà nước hỗ trợ thêm tiền ăn trong các trường hợp sau:

- + Ngày lễ, Tết dương lịch: hỗ trợ thêm 02 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường;
- + Các ngày tết Nguyên đán: hỗ trợ thêm 04 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường;
- + Chế độ ăn đối với học viên bị ốm do Giám đốc cơ sở cai nghiện quyết định theo chỉ định của cán bộ y tế điều trị, nhưng không thấp hơn 03 lần tiêu chuẩn ăn ngày thường.

b) Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân (chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với học viên nữ): 0,63 mức lương cơ sở/người/năm.

2. Mức đóng góp

a) Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ; điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường:

- Chi phí sàng lọc, đánh giá mức độ nghiện, thực hiện các dịch vụ kỹ thuật xét nghiệm y tế theo chỉ định của bác sỹ (bao gồm cả xét nghiệm HIV/AIDS): Mức chi theo giá dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh do cấp có thẩm quyền quyết định đối với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh công lập thực hiện dịch vụ;

- Chi điều trị nhiễm trùng cơ hội và thuốc chữa bệnh thông thường tại cơ sở cai nghiện ma túy không ký hợp đồng khám bệnh, chữa bệnh bảo hiểm y tế: Theo chi phí thực tế phát sinh và hóa đơn, chứng từ chi tiêu hợp pháp. Cơ sở cai nghiện ma túy lập dự toán phù hợp với tình hình thực tế hàng năm trình cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Tiền ăn hàng tháng: 0,24 mức lương cơ sở/người.

c) Tiền mặc, đồ dùng sinh hoạt cá nhân (chăn, màn, chiếu, gối, quần áo, đồ dùng sinh hoạt cá nhân và băng vệ sinh đối với học viên nữ): 0,27 mức lương cơ sở/người/năm.

d) Tiền hoạt động văn nghệ, thể thao: 70.000 đồng/người/năm.

e) Tiền điện, nước, vệ sinh: 80.000 đồng/người/tháng.

3. Đối tượng được ngân sách Nhà nước hỗ trợ 100% các khoản đóng góp quy định tại các Điểm a, b, c Khoản 2 Điều 1 Nghị quyết này

a) Người thuộc diện hưởng chế độ ưu đãi theo Pháp lệnh ưu đãi người có công với cách mạng.

b) Người thuộc hộ nghèo, cận nghèo.

c) Người chưa thành niên.

d) Người bị nhiễm HIV/AIDS.

e) Đối tượng bảo trợ xã hội

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và các đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Định khóa XVIII, kỳ họp thứ chín thông qua ngày 10 tháng 7 năm 2019 và có hiệu lực từ ngày 01 tháng 9 năm 2019./. *7/2019*

Nơi nhận:

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Bộ Tư pháp; Bộ Tài chính; Bộ Lao động, Thương binh và Xã hội;
- Thường trực Tỉnh ủy;
- Đoàn ĐBQH tỉnh;
- Như Điều 2, Điều 3;
- Ủy ban MTTQ tỉnh;
- Các sở, ban, ngành, đoàn thể của tỉnh;
- HĐND, UBND các huyện, thành phố;
- Công báo tỉnh, Báo Nam Định;
- Website Chính phủ, Website tỉnh;
- Lưu: VT VPHĐND tỉnh.

